

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2021/DS-ST  
Ngày: 31-12-2021  
V/v Tranh chấp về dân sự -  
Hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Văn Đô;**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **Võ Thị Diệp;**  
2. Ông **Phạm Phước Tâm;**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Trần Ngọc Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh: Ông **Nguyễn Văn Tèo** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2021/TLST-DS, ngày 08 tháng 4 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2021/QĐXXST- DS, ngày 23/6/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 340/2021/QĐST-DS, ngày 16/12/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lê Văn H**, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Ông **Võ Văn Lộc E**, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Trần Thị X**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

*(Các đương sự có mặt)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Văn H trình bày:***

Trước đây, ông H có vay tiền của ông Lộc E nhiều lần nhưng không nhớ cụ thể bao nhiêu, thời gian nào và đã thanh toán xong.

Năm 2015, ông H có thỏa thuận với ông Võ Văn Lộc E vay với số tiền 400.000.000 đồng, cụ thể từng đợt như sau:

- Ngày 13/7/2015 là 150.000.000 đồng.
- Ngày 12/8/2015 là 50.000.000 đồng.
- Ngày 22/8/2015 là 100.000.000 đồng.
- Ngày 25/8/2015 là 100.000.000 đồng.

Số tiền vay có viết biên nhận, lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/triệu/ngày. Ông H có thanh toán tiền lãi cho ông Lộc E nhưng không làm giấy tờ gì và không có gì chứng minh. Mục đích ông H vay là để cho người khác vay lại để đáo nợ Ngân hàng nhưng họ không trả. Ông H có trả dần cho ông Võ Văn Lộc E với tổng số tiền là 365.000.000 đồng là tiền gốc, cụ thể từng đợt như sau:

- Ngày 24/3/2016 là 15.000.000 đồng.
- Ngày 18/6/2016 là 10.000.000 đồng.
- Ngày 21/8/2016 là 45.000.000 đồng.
- Ngày 15/9/2016 là 5.000.000 đồng.
- Ngày 03/10/2016 là 10.000.000 đồng.
- Ngày 03/11/2016 là 200.000.000 đồng.
- Ngày 14/11/2016 là 10.000.000 đồng.
- Ngày 15/01/2017 là 70.000.000 đồng.

Như vậy, ông H còn thiếu ông Lộc E là 35.000.000 đồng và tiếp tục trả cho dứt nợ nhưng ông Lộc E không đồng ý. Ông Lộc E cho rằng ông H còn nợ số tiền gốc 130.000.000 đồng và lãi chưa trả nên phát sinh tranh chấp.

Nay ông Lê Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Chấm dứt hợp đồng vay với ông Võ Văn Lộc E đối với số tiền vay là 400.000.000 đồng; Ông H đồng ý trả số tiền còn thiếu lại cho ông Võ Văn Lộc (Võ Văn Lộc E) là 35.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày nộp đơn khởi kiện trở về trước 20 ngày theo quy định pháp luật.

***Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Võ Văn Lộc E (Lộc) và bà Trần Thị X trình bày:*** Trước đây, ông H có vay tiền nhiều lần của ông Lộc E và bà X nhưng không nhớ cụ thể bao nhiêu; số tiền đã thanh toán xong.

Năm 2015, ông H có thỏa thuận vay của ông Lộc E và bà X số tiền 400.000.000 đồng có xác lập 04 biên nhận, cụ thể từng đợt như sau:

- Ngày 13/7/2015 là 150.000.000 đồng, lãi suất 2.000 đồng/triệu/ngày.
- Ngày 12/8/2015 là 50.000.000 đồng, lãi suất 2.000 đồng/triệu/ngày.
- Ngày 22/8/2015 là 100.000.000 đồng, lãi suất 2.000 đồng/triệu/ngày.
- Ngày 25/8/2015 là 100.000.000 đồng, lãi suất 2.000 đồng/triệu/ngày.

Khi vay không thế chấp tài sản, mục đích vay để đáo hạn Ngân hàng. Trong quá trình vay thì ông H có trả lãi và gốc; có xác lập biên nhận tiền cho ông H. Tuy nhiên, số tiền vay ông H sử dụng không đúng mục đích đáo hạn mà để tiền xây nhà.

Thừa nhận có nhận tiền theo các biên nhận như sau là đúng:

1. Biên nhận 15.000.000 đồng ngày 16/02/2016 (âm lịch) là tiền lãi;
2. Biên nhận 10.000.000 đồng ngày 13/5/2016 (âm lịch) là tiền lãi;
3. Biên nhận 5.000.000 đồng ngày 15/9/2016 (âm lịch) là tiền lãi;
4. Biên nhận 200.000.000 đồng ngày 03/11/2016 (âm lịch) là tiền gốc;
5. Biên nhận 70.000.000 đồng ngày 15/01/2017 (âm lịch) là tiền gốc;

Riêng các biên nhận sau thừa nhận là toàn bộ chữ viết và chữ ký là đúng của Lộc E nhưng là trả khoản tiền vay trước đó. Cụ thể: Biên nhận 45.000.000 đồng ngày 21/8/2016 (âm lịch); Biên nhận 10.000.000 đồng ngày 03/10/2016 (âm lịch) và biên nhận 10.000.000 đồng ngày 10/11/2016 (âm lịch). Các biên nhận này có sửa thời gian mà ông Lộc E không đồng ý nên không có giá trị.

Nay ông H yêu cầu chấm dứt hợp đồng thì ông Lộc E và bà X đồng ý nhưng không đồng ý theo số tiền 35.000.000 đồng và lãi. Yêu cầu ông H trả số tiền 130.000.000 đồng tiền vốn, riêng tiền lãi thì yêu cầu tính lãi từ ngày vay cho đến ngày trả nợ và đến nay trên số tiền gốc từng thời điểm mức lãi suất nhà nước quy định. Đồng ý trừ số tiền lãi mà ông H đã trả là 30.000.000 đồng.

Đối với việc ông H trình bày có trả lãi nhưng không ghi biên nhận thì không thừa nhận.

Ông H trình bày bổ sung: Đối với biên nhận 45.000.000 đồng ngày 21/8/2016 (âm lịch); Biên nhận 10.000.000 đồng ngày 03/10/2016 (âm lịch) và biên nhận 10.000.000 đồng ngày 10/11/2016 (âm lịch) là biên nhận do ông Lộc viết và tự sửa. Tất cả số tiền viết trong biên nhận là tiền gốc, không phải lãi. Tiền lãi thì đã trả cho ông Lộc E đầy đủ nhưng không có gì chứng minh. Không đồng ý trả số tiền theo yêu cầu của ông Lộc E và bà X.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ gồm:

*Tài liệu do nguyên đơn cung cấp:*

1. Bản photô biên nhận ngày 13/7/2015 ký tên người vay là Lê Văn H;
2. Bản photô biên nhận ngày 12/8/2015 ký tên người vay là Lê Văn H;
3. Bản photô biên nhận ngày 25/8/2015 ký tên người vay là Lê Văn H;
4. Bản photô biên nhận ngày 22/8/2015 ký tên người vay là Lê Văn H;
5. Bản photô biên nhận ngày 13/5/2016 âm lịch ký tên người nhận tiền là Lộc;
6. Bản photô biên nhận ngày 15/9/2016 ký tên người nhận tiền là Võ Văn Lộc;
7. Bản photô biên nhận ngày 11/02/2017 ký tên người nhận tiền là Võ Văn Lộc;
8. Bản photô biên nhận ngày 03/11/2016 âm lịch ký tên người nhận tiền là Võ Văn Lộc;
9. Bản photô biên nhận ngày 21/8/2016 âm lịch, ngày 03/10/2016 âm lịch và ngày 10/11/2016 âm lịch ký tên người nhận tiền là Võ Văn Lộc (sửa năm 2016);
10. Bản photô biên nhận ngày 16/02/2016 âm lịch ký tên người nhận tiền là Võ Văn Lộc;

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và thu thập đã được thông báo công khai cho bị đơn nhưng không ai có ý kiến phản bác.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành tốt pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự, nên không có kiến nghị.

Về nội dung vụ án: Ông H thừa nhận có vay của ông Lộc E và bà X số tiền 400.000.000 đồng. Ông Lộc E và bà X xác nhận ông H đã trả số tiền gốc là 270.000.000 đồng nên đây thuộc tình tiết không phải chứng minh. Ông H xác

nhận có trả số tiền 95.000.000 đồng tiền gốc thông qua các biên nhận đã cung cấp cho Tòa án. Ông Lộc E và bà X không thừa nhận số tiền 65.000.000 đồng theo biên nhận nguyên đơn cung cấp mà khoản tiền này là trả lãi cho các khoản tiền lãi khác nhưng không có gì chứng minh. Số tiền 30.000.000 đồng là tiền lãi nhưng nguyên đơn không thừa nhận, cũng không có gì chứng minh như trình bày. Căn cứ Điều 357, Điều 422, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn. Buộc ông H có nghĩa vụ trả cho ông Lộc E và bà X số tiền 35.000.000 đồng và tất cả các khoản lãi theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:*

Về tố tụng:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn H yêu cầu chấm dứt hợp đồng vay tài sản với ông Võ Văn Lộc E và bà Trần Thị X nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp 1, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Ông H thừa nhận có vay của ông Lộc E và bà X số tiền 400.000.000 đồng, thể hiện bằng 04 biên nhận như sau: Ngày 13/7/2015 vay 150.000.000 đồng; ngày 12/8/2015 vay 50.000.000 đồng; ngày 22/8/2015 vay 100.000.000 đồng và ngày 25/8/2015 là 100.000.000 đồng. Trong quá trình vay thì có trả được số tiền vốn là 365.000.000 đồng, chứng minh bằng các biên nhận do ông Lộc E viết cụ thể như sau: Ngày 03/11/2016 trả 200.000.000 đồng, ngày 21/8/2016 trả 45.000.000 đồng, ngày 03/10/2016 là 10.000.000 đồng, ngày 14/11/2016 là 10.000.000 đồng, ngày 24/3/2016 là 15.000.000 đồng, ngày 18/6/2016 là 10.000.000 đồng, ngày 15/9/2016 là 5.000.000 đồng và ngày 15/01/2017 là 70.000.000 đồng. Số tiền ông H còn nợ lại ông Lộc E là 35.000.000 đồng. Nay ông H yêu cầu chấm dứt hợp đồng, đồng ý trả số tiền vay còn thiếu là 35.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Về hợp đồng vay tiền: Ông H vay của ông Lộc E và bà X số tiền 400.000.000 đồng và thừa nhận chữ viết biên nhận do bị đơn cung cấp là đúng. Do đó, việc ông H có vay của ông Lộc E và X số tiền 400.000.000 đồng là có thật.

[4] Về nghĩa vụ thanh toán: Trong quá trình vay ông H đã thanh toán tiền gốc cho ông Lộc E và bà X số tiền 365.000.000 đồng thể hiện qua các biên nhận do ông Lộc E viết vào ngày 24/8/2016 (âm lịch), 03/10/2016 (âm lịch), ngày 10/11/2016 (âm lịch), 16/02/2016 (âm lịch), ngày 13/5/2016 (âm lịch), ngày 15/8/2016 (âm lịch), ngày, ngày 03/11/2016 (âm lịch) và ngày 15/01/2017 (âm lịch). Các biên nhận do ông H cung cấp thì được ông Lộc E và bà X thừa nhận là do ông Lộc E viết ký tên. Do đó, có đủ căn cứ ông H đã thanh toán cho phía bị đơn số 365.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông Lộc E và bà X cũng thống nhất chấm dứt hợp đồng vay tài sản theo yêu cầu của ông H.

Căn cứ Điều 422, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự thì yêu cầu chấm dứt hợp đồng vay tài sản của ông H là có căn cứ.

Đối với trình bày của ông Lộc E và bà X thừa nhận từ ngày 13/7/2015 đến nay có cho ông H vay số tiền 400.000.000 đồng và chứng minh cụ thể bằng 04 biên nhận như nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên, số tiền ông H trình bày đã trả là 365.000.000 đồng thì không thống nhất. Ông Lộc E và bà X chỉ thừa nhận biên nhận ngày 03/11/2016 và ngày 15/01/2017 với số tiền 270.000.000 đồng là tiền vốn; các biên nhận ngày 16/02/2016 âm lịch, ngày 13/5/2016 âm lịch và ngày 15/9/2016 âm lịch với tổng số tiền là 30.000.000 đồng là tiền lãi. Riêng biên nhận ngày 21/8/2016 âm lịch, ngày 03/10/2016 âm lịch và ngày 10/11/2016 âm lịch với số tiền 65.000.000 đồng thì ông Lộc E và bà X cho rằng đã bị chỉnh sửa và xác định số tiền này trả khoản vay trước đó nên không còn giá trị. Ông Lộc E và bà X yêu cầu ông H trả số tiền vốn là 130.000.000 đồng và tính các khoản tiền lãi theo quy định pháp luật, đồng ý trừ vào số tiền 30.000.000 đồng tiền lãi.

Hội đồng xét xử nhận định: Nguyên đơn và bị đơn thừa nhận số tiền 270.000.000 đồng là khoản tiền gốc. Như vậy, xác định số tiền theo biên nhận ngày 03/11/2016 và ngày 15/01/2017 là tiền gốc nên không cần phải chứng minh. Ông Lộc E xác nhận số tiền 30.000.000 đồng theo biên nhận ngày 16/02/2016 âm lịch, ngày 13/5/2016 âm lịch và ngày 15/9/2016 âm lịch là tiền lãi nhưng không được ông H thừa nhận. Trong các biên nhận này cũng không thể hiện được số tiền đã trả là khoản tiền vốn hay tiền lãi. Ông Lộc E cũng không có gì chứng minh là khoản tiền lãi.

Đối với 03 biên nhận ngày 21/8/2016 âm lịch, ngày 03/10/2016 âm lịch và ngày 10/11/2016 âm lịch ông Lộc E cho rằng đã bị chỉnh sửa năm nên xác

định không có giá trị. Ngoài ra, ông Lộc E cũng xác định biên nhận này trả các khoản tiền vay trước đây. Tuy nhiên, ông Lộc E xác nhận toàn bộ chữ viết trong biên nhận này là của mình. Trong biên nhận có viết các ngày dương lịch và âm lịch như sau:

Biên nhận 45.000.0000 đồng ghi ngày 03/10 dương lịch và ngày 21/8 âm lịch bị tẩy xóa ở số năm. Đối chiếu theo lịch thì ngày dương lịch và ngày âm lịch trùng với thời điểm năm 2015.

Biên nhận 10.000.000 đồng ghi ngày 14/11 dương lịch và ngày 03/10 âm lịch, đối chiếu lịch thì trùng với năm 2015.

Biên nhận 10.000.000 đồng ghi ngày 20/12 dương lịch và ngày 10/11 âm lịch được đối chiếu cũng trùng với năm 2015.

Như vậy, xác định được 03 biên nhận do ông Lộc E viết nêu trên được xác lập vào năm 2015 và được xác lập sau ngày vay số tiền 400.000.000 đồng. Đồng thời, các biên nhận cũng không thể hiện là khoản tiền lãi như bị đơn trình bày. Tại phiên tòa, ông Lộc E và bà X cũng thừa nhận từ ngày 13/7/2015 thì ông H đã trả xong toàn bộ khoản tiền vốn và lãi vay trước đó.

Do đó, có đủ căn cứ xác định sau ngày vay khoản tiền 400.000.000 đồng thì ông H đã thanh toán cho ông Lộc E và bà X số tiền 365.000.000 đồng tiền vốn.

[5] Về tiền lãi:

Theo như ông H trình bày thì khi vay lãi suất thỏa thuận tất cả các khoản vay là 3.000 đồng/triệu/ngày tương ứng 9%/tháng. Ông H cho rằng có trả tiền lãi đầy đủ theo thỏa thuận nhưng không được ông Lộc E thừa nhận. Ông Lộc E và bà X trình bày lãi suất vay đối với số tiền 400.000.000 đồng là 2.000 đồng/triệu/ngày tương ứng 6%/tháng. Tuy nhiên, các bên không thống nhất về lãi và biên nhận cũng không thể hiện lãi suất vay là bao nhiêu.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông H không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho việc trả lãi nên xác định là nguyên đơn chưa trả tiền lãi cho bị đơn. Tuy nhiên, các bên có tranh chấp về mức lãi suất, không xác định được mức lãi suất cụ thể là bao nhiêu. Do đó, cần phải điều chỉnh lại mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 11/01/2019.

Số tiền lãi được tính như sau:

(1) Từ ngày 13/7/2015 đến ngày 03/10/2015 là 82 ngày tương ứng 2,73 tháng. Tiền lãi của số tiền 150.000.000 đồng tính đến ngày 03/10/2015 là:

$150.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng \times 2,73 \text{ tháng} = 3.398.850 \text{ đồng};$

(2) Từ ngày 12/8/2015 đến ngày 03/10/2015 là 52 ngày tương ứng 1,73 tháng. Tiền lãi của số tiền 50.000.000 đồng tính đến ngày 03/10/2015 là:

$50.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng \times 1,73 \text{ tháng} = 717.950 \text{ đồng};$

(3) Từ ngày 22/8/2015 đến ngày 03/10/2015 là 42 ngày tương ứng 1,4 tháng. Tiền lãi của số tiền 100.000.000 đồng tính đến ngày 03/10/2015 là:

$100.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng \times 1,4 \text{ tháng} = 1.162.000 \text{ đồng};$

(4) Từ ngày 25/8/2015 đến ngày 03/10/2015 là 39 ngày tương ứng 1,3 tháng. Tiền lãi của số tiền 100.000.000 đồng tính đến ngày 03/10/2015 là:

$100.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng \times 1,3 \text{ tháng} = 1.079.000 \text{ đồng};$

*Đến ngày 03/10/2015, số tiền gốc ông H trả là 45.000.000 đồng nên tổng số tiền gốc còn lại là 355.000.000 đồng.*

(5) Từ ngày 03/10/2015 đến ngày 14/11/2015 là 42 ngày tương ứng 1,4 tháng. Tiền lãi của số tiền 355.000.000 đồng tính đến ngày 14/11/2015 là:

$355.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng \times 1,4 \text{ tháng} = 4.125.100 \text{ đồng}.$

*Đến ngày 14/11/2015, số tiền gốc ông H trả là 10.000.000 đồng nên tổng số tiền gốc còn lại là 345.000.000 đồng.*

(6) Từ ngày 14/11/2015 đến ngày 20/12/2015 là 36 ngày tương ứng 1,2 tháng. Tiền lãi của số tiền 345.000.000 đồng tính đến ngày 20/12/2015 là:

$345.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \text{ tháng} \times 1,2 \text{ tháng} = 3.436.200 \text{ đồng}.$

*Đến ngày 20/12/2015, số tiền gốc ông H trả là 10.000.000 đồng nên số tiền gốc còn lại là 335.000.000 đồng.*

(7) Từ ngày 20/12/2015 đến ngày 24/3/2016 là 95 ngày tương ứng 3,16 tháng. Tiền lãi của số tiền 335.000.000 đồng tính đến ngày 24/3/2016 là:

$335.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng \times 3,16 \text{ tháng} = 8.786.380 \text{ đồng}.$

*Đến ngày 24/3/2016, số tiền gốc ông H trả là 15.000.000 đồng nên số tiền gốc còn lại là 320.000.000 đồng.*

(8) Từ ngày 24/3/2016 đến ngày 13/5/2016 âm lịch (tức ngày 17/6/2016 dương lịch) là 85 ngày tương ứng 2,83 tháng. Tiền lãi của số tiền 320.000.000 đồng tính đến ngày 17/6/2016 là:

$320.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng \times 2,83 \text{ tháng} = 7.516.480 \text{ đồng}.$

*Đến ngày 13/5/2016 âm lịch (tức ngày 17/6/2016 dương lịch). Ông H trả thêm tiền gốc là 10.000.000 đồng nên số tiền gốc còn lại 310.000.000 đồng.*



(9) Từ ngày 13/5/2016 âm lịch (tức ngày 17/6/2016 dương lịch) đến ngày 15/9/2016 âm lịch (tức ngày 15/10/2016 dương lịch) là 120 ngày tương ứng 04 tháng. Tiền lãi của số tiền 310.000.000 đồng tính đến ngày 15/10/2016 là:

$$310.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/ \text{tháng} \times 4 \text{ tháng} = 10.292.000 \text{ đồng.}$$

*Đến ngày 15/9/2016 âm lịch (tức ngày 15/10/2016 dương lịch), số tiền gốc ông H trả là 5.000.000 đồng nên số tiền gốc còn lại là 305.000.000 đồng.*

(10) Từ ngày 15/9/2016 âm lịch (tức ngày 15/10/2016 dương lịch) đến ngày 03/11/2016 âm lịch (tức ngày 01/12/2016 dương lịch) là 47 ngày tương ứng 1,56 tháng. Tiền lãi của số tiền 305.000.000 đồng tính đến ngày 01/12/2016 là:

$$305.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/ \text{tháng} \times 1,56 \text{ tháng} = 3.949.140 \text{ đồng.}$$

*Đến ngày 03/11/2016 âm lịch (tức ngày 01/12/2016 dương lịch), ông H trả tiền gốc là 200.000.000 đồng nên số tiền gốc còn lại là 105.000.000 đồng.*

(11) Từ ngày 03/11/2016 âm lịch (tức ngày 01/12/2016 dương lịch) đến ngày 15/01/2017 âm lịch (tức là ngày 11/02/2017) là 72 ngày tương ứng 2,4 tháng. Tiền lãi của số tiền 105.000.000 đồng tính đến ngày 11/02/2017 là:

$$105.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/ \text{tháng} \times 2,4 \text{ tháng} = 2.091.600 \text{ đồng.}$$

Đến ngày 11/02/2017, ông H trả được số tiền gốc là 70.000.000 đồng nên số tiền gốc còn nợ lại là 35.000.000 đồng.

(12) Từ ngày 11/02/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 31/12/2021 là 1.784 ngày tương ứng 59,5 tháng. Tiền lãi của số tiền 35.000.000 đồng tính đến ngày 31/12/2021 là:

$$35.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/ \text{tháng} \times 59,5 \text{ tháng} = 17.284.750 \text{ đồng.}$$

Tổng số tiền lãi ông H phải trả cho ông Lộc E và bà X là:

$$(1) + (2) + (3) + (4) + (5) + (6) + (7) + (8) + (9) + (10) + (11) + (12) = 63.839.450 \text{ đồng.}$$

[6] Đối với ông Lộc E và bà X yêu cầu ông H trả 130.000.000 đồng tiền vốn và lãi theo quy định tương ứng với thời gian vay trên nợ gốc như sau:

Tổng số tiền lãi yêu cầu ông H trả là 110.681.330 đồng và đồng ý trừ vào số tiền lãi đã nhận là 30.000.000 đồng. Do đó, số tiền lãi ông Lộc E và bà X yêu cầu là 80.681.330 đồng.

Tổng số tiền vốn và lãi yêu cầu ông H trả là 210.681.330 đồng. Số tiền không được chấp nhận 111.841.880 đồng.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 422 Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự xác định yêu cầu của ông H là có căn cứ 01 phần nên chỉ được chấp nhận một phần.

Chấm dứt hợp đồng vay tài sản giữa ông Lê Văn H với ông Võ Văn Lộc E và bà Trần Thị X. Ông Lê Văn H có nghĩa vụ trả cho ông Lộc E và bà X số tiền vay còn thiếu là 35.000.000 đồng và tiền lãi 63.839.450 đồng.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án thì: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được tính như sau  $98.839.450 \text{ đồng} \times 5\% = 4.942.000 \text{ đồng}$  nhưng được khấu trừ 875.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012470 ngày 06/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Ông H tiếp tục nộp 4.067.000 đồng.

Ông Lộc E và bà X phải nộp 5.592.000 đồng án phí sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng:

- Điều 357, Điều 422, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

- Khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Lê Văn H;

Chấm dứt hợp đồng vay tài sản ngày 13/7/2015, ngày 12/8/2015, ngày 22/8/2015, ngày 25/8/2015 đối với tổng số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng giữa ông Lê Văn H với ông Võ Văn Lộc E và bà Trần Thị X.

Ông Lê Văn H có nghĩa vụ trả cho ông Võ Văn Lộc E và bà Trần Thị X số tiền vay là 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu) đồng và tiền lãi là 63.839.450 (sáu mươi ba triệu, tám trăm ba mươi chín nghìn, bốn trăm năm mươi) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền lãi là 63.839.450 (sáu mươi ba triệu, tám trăm ba mươi chín nghìn, bốn trăm năm mươi) đồng) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

## 2. Về án phí:

Ông Lê Văn H phải nộp 4.942.000 (Bốn triệu, chín trăm bốn mươi hai nghìn) đồng nhưng được khấu trừ 875.000 (tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012470 ngày 06/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Ông H tiếp tục nộp 4.067.000 (Bốn triệu, không sáu mươi bảy nghìn) đồng.

Ông Lộc E và bà X phải nộp 5.592.000 (năm triệu năm trăm chín mươi hai nghìn) đồng án phí sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND H. Cao Lãnh;
- CC THADS H. Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Trần Văn Đô**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Thị Mai Hương – Phạm Phước Tâm**

**Trần Văn Đô**